

Bản án số:06/2025/HSST
Ngày 17/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị D

-Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Tạ Thị H – Chủ tịch Hội khuyến học huyện K, tỉnh G (nguyên là giáo viên).

+ Bà Ksor H'Q – Chủ tịch hội chữ thập đỏ huyện K, tỉnh G.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị G – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thanh T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2024/HSST, ngày 04 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/HSST-QĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

1/ Ksor T, sinh ngày 01/01/2001 tại huyện K, tỉnh G; Trú tại: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh G; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nay D và bà Ksor H'N.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/8/2024 và giam liên tục cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

2/ Ksor Q, sinh ngày 12/11/2006 tại huyện K, tỉnh G; Trú tại: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh G; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nay P và bà Ksor H'N.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/8/2024 và giam liên tục cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Anh Ksor P, sinh năm 2003; trú tại: Buôn P, xã I, huyện K, tỉnh G, có mặt.

-*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Bà Ngô Thị V - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G, có mặt.

-*Người bào chữa cho bị cáo Ksor T và Ksor Q:* Bà Bùi Thị P – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G, có mặt.

-*Người đại diện hợp pháp của bị cáo Ksor Q:* ông Nay P, sinh năm 1981 và bà Ksor H'N, sinh năm 1987; Trú tại: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh G, có mặt.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Ksor Ry A, sinh năm 1996; trú tại: Buôn I, xã I, huyện K, tỉnh G, vắng mặt.

Ông Nay P, sinh năm 1981 và bà Ksor H'N, sinh năm 1987; Trú tại: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh G, có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Anh Nay Dăm T, sinh năm 1986; Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện K, tỉnh G, có mặt.

NHẬN THẤY:

Vào khoảng 21 giờ 40 phút, ngày 27 tháng 8 năm 2024, anh Ksor P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81N1-145.84 đến quán trà sữa Y thuộc tập đoàn 4 + 5, xã Chư Gu để uống nước. Cùng lúc đó, Ksor Q điều khiển xe đạp điện chở Ksor T cùng đi đến quán trà sữa Y thì gặp anh Ksor P đang ở trước quán. Tại đây, T xuống xe hỏi anh P ở buôn nào, sau khi biết anh P ở buôn Phùm Ang thì Ksor T nói trước đây có người ở buôn Phùm Ang đánh T. Nghe T nói vậy, Q rút chìa khóa xe mô tô của anh P cầm trên tay, T lao vào đánh P, Ksor Q cản lại nhưng T tiếp tục lao vào dùng tay đánh vào đầu P, lúc này anh P đang đội mũ bảo hiểm nên chỉ trúng vào mũ bảo hiểm. Khi bị đánh thì anh P chạy vào trong quán Y, T vào quán dùng tay kéo anh P ra ngoài, Q tiếp tục vào can không cho T đánh anh P. Sau khi kéo P ra ngoài đường phía trước quán Y, T thấy Ksor Ry A là bạn của T điều khiển xe mô tô đi trên đường, T gọi lại nói là trước đây có người ở buôn P đánh T nên hôm nay T đánh Phiôn. Nghe vậy A dùng tay đấm P một nhát vào mặt làm P ngã xuống đường, T dùng chân đá một cái vào hông của P, P vùng dậy được và bỏ chạy, T đuổi theo P được khoảng 20m không kịp thì quay lại quán Y, còn A điều khiển xe mô tô đi về.

Khi T quay lại quán Y, Q đưa chìa khóa xe mô tô của anh P cho T cất giữ, rồi điều khiển xe đạp điện chở T đi tìm anh P trong khu vực P chạy trốn nhưng không thấy. Khi Q chở T quay lại trước quán Y thì nảy sinh ý định chiếm đoạt nên T nói Q dừng xe để lấy thì Q đồng ý, T xuống xe sử dụng chìa khóa do Q cất giữ, khởi động xe mô tô của P đi về hướng nhà Q, Q điều khiển xe đạp điện đi theo sau. Về đến nhà, Q cất xe đạp điện rồi T sử dụng xe mô tô trên chở Q cùng về nhà T để ngủ. Khoảng 08 giờ, ngày 28/8/2024, T điều khiển xe mô tô trên chở Q đi đến xã C chơi thì triệu tập làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐGTS, ngày 24/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện K kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81N1-145.84, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen trắng, số khung: 3240JY141626, số máy E3X9E390627 có trị giá 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 374/KLTTCT-PYPY, ngày 15/9/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên, xác định thương tích trên cơ thể anh Ksor P là 01% (một phần trăm).

Về vật chứng vụ án:

01 Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81N1-145.84, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen trắng, số khung: 3240JY141626, số máy E3X9E390627, đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Ksor P.

01 xe đạp điện màu đen, hiệu ALPHABIKE, số khung ADXB2DZ200106, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và bị cáo đã thỏa thuận số tiền bồi thường, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa, bị cáo Ksor T đã bồi thường đủ số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo Ksor Q đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Bản cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G truy tố bị cáo Ksor T và Ksor Q về tội “*Cướp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng khoản 1, Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Ksor T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1, Điều 168, điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58, Điều 98, Điều 101 BLHS, xử phạt bị cáo Ksor Q từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 03 tháng tù.

Về dân sự: Bị cáo Ksor Q có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về vật chứng: Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nay P và bà Ksor H’N 01 xe đạp điện màu đen, hiệu ALPHABIKE, số khung ADXB2DZ200106.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo: đồng ý với bản luận tội của đại diện VKSND huyện K về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng đối với

bị cáo. Người bào chữa đề nghị áp dụng Điều 54 đối với bị cáo Ksor T và mức hình phạt đề nghị là: xử phạt bị cáo Ksor T 02 năm 06 tháng tù và Ksor Q 01 năm 06 tháng tù.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Đồng ý với tội danh và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo: Vào khoảng 21 giờ 40 phút, ngày 27 tháng 8 năm 2024, Ksor T và Ksor Ry A sử dụng tay, chân đánh anh Ksor P gây thương tích, Ksor Q rút chìa khóa xe mô tô của anh P, để không cho anh P bỏ chạy. Sau đó Ksor Q dùng xe đạp điện chở Ksor T để truy đuổi P bỏ chạy. Không truy đuổi được P, T và Q quay lại chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81N1-145.84 của anh Ksor P, trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 11.000.000 đồng.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Ksor T và Ksor Q đã phạm vào tội “*Cướp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo Ksor T và Ksor Q về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung tăng nặng: không có

[4] Về tính chất, mức độ hành vi, các tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Đây là vụ

án thuộc loại đồng phạm giản đơn, tuy không có người chủ mưu, cầm đầu, không có sự bàn bạc nhưng cũng cần đánh giá vai trò, tính chất mức độ hành vi của từng bị cáo, qua đó có sự phân hóa hình phạt tương xứng với từng bị cáo.

Bị cáo Ksor T là người khởi xướng, mặc dù không có mâu thuẫn gì với người bị hại nhưng bị cáo lại sử dụng bạo lực và cùng với Ksor Ry A gây thương tích tỷ lệ 01% cho anh Ksor P, bị cáo Ksor Q không tham gia gây thương tích cho anh P nhưng bị cáo lại chủ động rút chìa khóa xe máy để không cho anh P bỏ chạy. Sau khi bị hại bỏ chạy và bỏ lại tài sản thì Ksor Q không can ngăn mà lại chờ Ksor T truy đuổi anh Ksor P để đánh. Khi biết ý định của Ksor T muốn chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81N1-145.84 của anh Ksor P, Ksor Q đã đưa chìa khóa xe mà bị cáo lấy trước đó cho Ksor T. Như vậy, trong vụ án này Ksor T với vai trò chủ mưu, thực hành còn bị cáo Ksor Q vai trò giúp sức tích cực. Qua đó thấy được ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo không có dẫn đến lỗi sống buông thả, không có mục đích sống tích cực. Do vậy, hành vi của các bị cáo cần phải được xét xử nghiêm theo quy định của pháp luật mới đảm bảo tính trừng trị, răn đe đối với các bị cáo và cũng cho các bị cáo cơ hội sửa chữa sai lầm để trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Tại phiên tòa, người bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cần được áp dụng khi lượng hình đối với các bị cáo.

Do đó, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, quan điểm bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại về mức hình phạt là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Người bào chữa đề nghị mức hình phạt cho các bị cáo là không tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, chưa đủ sức trừng trị và răn đe đối với các bị cáo nên HĐXX không chấp nhận.

Đối với Ksor Ry A cùng Ksor T có hành vi đánh Ksor P gây thương tích tỷ lệ 01%, tuy nhiên bị hại không có đơn yêu cầu xử lý hình sự, nên không có căn cứ xử lý Ksor Ry A về tội “Cố ý gây thương tích”. Trưởng Công an huyện K đã ra Quyết định xử phạt hành chính với mức phạt tiền là 6.500.000 đồng đối với Ksor Ry A là có căn cứ. Ngoài ra, Ksor Ry A không biết việc Ksor T và Ksor Q chiếm đoạt tài sản của anh Ksor P, do vậy Ksor Ry A không có đồng phạm về hành vi Cướp tài sản.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và bị cáo đã thỏa thuận số tiền bồi thường, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Tại

phiên tòa, bị cáo Ksor T đã bồi thường đủ số tiền 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*), bị cáo Ksor Q đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

[6] *Về vật chứng*: Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nay Phol và bà Ksor H'Nhó 01 xe đạp điện màu đen, hiệu ALPHABIKE, số khung ADXB2DZ200106.

[7] *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

[8] *Về hình phạt bổ sung*: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ksor T và Ksor Q phạm tội “Cướp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Ksor T 03 (*ba*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 31/8/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 38, Điều 58, Điều 98 và Điều 101 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Ksor Q 02 (*hai*) năm 03 (*ba*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam từ ngày 31/8/2024.

2. *Về dân sự*: Áp dụng Điều 46, Điều 48 của BLHS 2015; Điều 584, 585, 586, và Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Ksor Q phải có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại Ksor P số tiền 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*).

3. *Về vật chứng*: Căn cứ Điều 47 của BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nay P và bà Ksor H'N 01 xe đạp điện màu đen, hiệu ALPHABIKE, số khung ADXB2DZ200106.

Đặc điểm chi tiết các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/11/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Ksor Q và Ksor T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Ksor Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (17/01/2025); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Krông Pa;
- Công an h. Krông Pa;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Chi cục THADS h. Krông Pa;
- Lưu HS vụ án, THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Dung

